

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình
Đường giao thông nội bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh về quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước; số 1428/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 28/TTr-BDT ngày 18/5/2020; đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa tại Tờ trình số 2259/TTr-SGTVT ngày 08/ 6/ 2020; Báo cáo kết quả thẩm định số 2258/SGTVT-TĐKHKT ngày 08/6/ 2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Đường giao thông nội bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường giao thông nội bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn, với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông nội bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.

2. Mục tiêu đầu tư: Giúp nhân dân trong xã đi lại thuận tiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương giữa các thôn trong xã, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từng bước hoàn thành kết cấu hạ tầng theo mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

4. Chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, thiết kế và lập dự toán xây dựng công trình: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đạt Phương.

6. Chủ nhiệm dự án: Ks Ngô Văn Mạnh.

7. Địa điểm xây dựng: xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.

8. Diện tích sử dụng đất: Diện tích 0,36ha.

9. Quy mô đầu tư và tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng đường giao thông cấp C theo TCVN 10380-2014; chiều dài 326,22m, trong đó: điểm đầu nối tiếp với đường bê tông đã có tại bản Hậu; điểm cuối cách điểm đầu 326,22m theo hướng đi Trường THCS bản trú xã Tam Lư.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Vận tốc thiết kế $V_{tk} = 15\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n = 4,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 3,0\text{m}$; chiều rộng lề đường $B_{lề} = (2 \times 0,5)\text{m} = 1,0\text{m}$; độ dốc dọc lớn nhất $I_{max} = 15\%$; bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn $R_{min} = 10\text{m}$; kết cấu mặt đường bê tông xi măng M250 dày 16cm.

10. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Thống nhất như tại báo cáo kết quả thẩm định số 2258/SGTVT-TĐKHKT ngày 08/6/2020 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

11. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ tuyến: Tuyến cơ bản bám theo đường mòn hiện có, đào đắp cục bộ một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường; tổng chiều dài $L = 326,22\text{m}$.

Tuyến có 9 đỉnh đường cong nằm đóng cong, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R = 15\text{m}$; 01 vị trí bán kính cong nằm $R = 5\text{m}$ chằm trước do vướng Khu nội trú THCS bản trú xã Tam Lư và có bố trí gương cầu lồi.

b) Trắc dọc tuyến: Đường đồ được thiết kế trên cơ sở tần suất thủy văn 4%, hạn chế khối lượng đào đắp để phù hợp với kinh phí của dự án và đảm bảo độ êm thuận khi xe chạy; độ dốc dọc lớn nhất $I_{max} = 15\%$.

c) Mặt cắt ngang:

- Chiều rộng nền đường $B_n = 4,0\text{m}$;
- Chiều rộng mặt đường $B_m = 3,0\text{m}$;
- Chiều rộng lề đất hai bên $B_{lề} = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$;
- Độ dốc ngang mặt đường $i_{mặt} = 2\%$; dốc ngang lề đường $i_{lề} = 4\%$.

d) Mặt đường: Bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm, móng đá dăm nước đá (4x6)cm dày 12cm.

e) Nền đường: Dạng nền thông thường, chiều cao đào đắp thấp.

- Nền đường đắp: Đắp bằng đất đào tận dụng; đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái ta luy nền đắp 1/1,5.

- Nền đường đào: Độ dốc mái ta luy nền đào 1/1.

g) Công trình thoát nước:

- Thoát nước mặt: Bằng chảy toả và đào rãnh dọc đất tiết diện hình thang, kích thước (0,4+1,2)x0,4m; cục bộ một số đoạn dốc dọc và hạ lưu dốc dọc rãnh $\geq 6\%$ gia cố bằng tấm BTXM M200 lát mái, đáy BTXM M150.

- Thoát nước ngang: Trên tuyến hiện có 02 cống cũ thuộc cống tròn đường kính $\Phi \leq 1,5\text{m}$ đang còn sử dụng được nên tận dụng nối kéo dài đủ bề rộng nền đường; bổ sung xây dựng mới 01 cống bản khẩu độ 1,0m, kết cấu: móng, thân chân khay và sân gia cố bằng bê tông xi măng M150, mũ mố BTCT M200, tấm bản BTCT M250 dày 18cm, lớp phủ mặt bê tông xi măng M300 dày 6cm.

h) Hệ thống an toàn giao thông: Đoạn từ cọc TC4 đến cọc H3 bên trái tuyến có vực sâu được bố trí tôn lượn sóng; hệ thống ATGT trên tuyến được bố trí theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

12. Dự toán duyệt: 973.158.000 đồng (Chín trăm bảy mươi ba triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng),

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	785.244.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	16.767.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	119.074.000 đồng.
- Chi phí khác:	5.732.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	46.341.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn: Theo Quyết định số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

14. Số bước thiết kế: 01 bước (bản vẽ thi công).

15. Thời gian thực hiện: năm 2020.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án

17. Phương án tái định cư, giải phóng mặt bằng: không.

Điều 2. Ban Dân tộc căn cứ Quyết định này triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề B/c);
- Phó CVP Trần Huy Chân;
- Lưu: VT, VX (ngocnd).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN
Công trình Đường giao thông nội bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/ 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng	713.858.378	71.385.838	785.244.000
2	Chi phí quản lý dự án	16.767.106		16.767.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	108.870.748	10.203.074	119.074.000
3.1	Chi phí khảo sát địa hình	37.929.501	3.792.950	41.722.451
3.2	Chi phí lập báo cáo KTKT	41.236.364	4.123.636	45.360.000
3.3	Chi phí giám sát công tác khảo sát	2.840.000		2.840.000
3.4	Chi phí lập hồ sơ yêu cầu	1.000.000		1.000.000
3.5	Chi phí đánh giá hồ sơ đề xuất	1.000.000		1.000.000
3.6	Chi phí thẩm định hồ sơ yêu cầu	1.000.000		1.000.000
3.7	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	1.000.000		1.000.000
3.4	Chi phí giám sát thi công	22.864.884	2.286.488	25.151.372
4	Chi phí khác	5.731.901		5.732.000
4.1	Phí thẩm định Báo cáo KTKT	184.900		184.900
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	5.547.001		5.547.001
5	Chi phí dự phòng	46.340.850		46.341.000
	Tổng cộng	891.568.983	81.588.912	973.158.000